

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2017/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 ngày 29 tháng 11 năm 2013 ;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1632/TTr-STNMT ngày 24 tháng 4 năm 2017; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 108/BC-STP ngày 21 tháng 4 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp phí: là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đăng ký, nộp hồ sơ cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định hồ sơ theo quy định.

b) Cơ quan thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh (kể cả chi nhánh ở các huyện, thành phố).

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 2. Đối tượng miễn nộp phí

Miễn nộp đối với các đối tượng bao gồm hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng được giao đất tái định cư; các hộ gia đình, cá nhân thuộc diện tái định cư do ảnh hưởng của thiên tai.

Điều 3. Mức thu phí

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Mức thu |
|-----------|--|--------------------|----------------|
| I | Trường hợp cấp lần đầu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | | |
| 1 | Tổ chức (<i>tổ chức nhà nước và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế</i>), gồm: | | |
| a | Đất có diện tích dưới 1 ha | Đồng/hồ sơ | 600.000 |
| b | Đất có diện tích từ 1 ha đến dưới 2 ha | Đồng/hồ sơ | 1.000.000 |
| c | Đất có diện tích từ 2 ha đến dưới 5 ha | Đồng/hồ sơ | 2.000.000 |
| d | Đất có diện tích từ 5 ha đến dưới 10 ha | Đồng/hồ sơ | 3.000.000 |
| e | Đất có diện tích từ 10 ha đến dưới 20 ha | Đồng/hồ sơ | 4.000.000 |
| g | Đất có diện tích từ 20 ha trở lên | Đồng/hồ sơ | 5.000.000 |
| 2 | Hộ gia đình, cá nhân | | |
| a | Đất làm trang trại; đất sản xuất kinh doanh | Đồng/hồ sơ | 400.000 |
| b | Đất ở và các loại đất còn lại, gồm: | | |
| | Đất tại các phường thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện. | Đồng/hồ sơ | 100.000 |
| | Đất tại các xã thuộc huyện miền núi; các xã miền núi thuộc các huyện đồng bằng. | Đồng/hồ sơ | 50.000 |
| | Đất tại các địa bàn còn lại. | Đồng/hồ sơ | 80.000 |

| | | |
|-----------|---|---|
| II | Trường hợp cấp đổi, cấp lại; bổ sung sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký biến động về đất đai | |
| 1 | Cấp đổi, cấp lại hồ sơ cấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. | Mức thu bằng 70% của hồ sơ cấp lần đầu |
| 2 | Bổ sung sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất. | |
| 3 | Đăng ký biến động về đất đai (chuyển nhượng, tặng cho, nhận thừa kế...) phải thực hiện chỉnh lý biến động lên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. | |

Điều 4. kê khai, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.

2. Định kỳ hàng tháng, cơ quan thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước và thực hiện kê khai, quyết toán phí theo quy định của pháp luật.

3. Xác định tỷ lệ trích để lại đối với tiền phí thu được như sau:

a) Đối với hồ sơ cấp lần đầu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Sở Tài nguyên và Môi trường (thẩm định hồ sơ cho tổ chức), Phòng Tài nguyên và Môi trường (thẩm định hồ sơ cấp cho hộ gia đình, cá nhân) có trách nhiệm nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

b) Đối với hồ sơ cấp đổi, cấp lại; bổ sung sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký biến động về đất đai: Cơ quan thu phí (Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, kể cả chi nhánh ở cấp huyện) được trích để lại 100% trên tổng số tiền thu được để trang trải cho công tác thẩm định hồ sơ. Việc quản lý và sử dụng phí được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2017 và thay thế các Quyết định số 220/2008/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh về việc ban hành phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2010 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung về thu phí cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành tại Quyết định số 220/2008/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà

nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Trần Ngọc Căng